

## BỒI DƯỠNG KỸ NĂNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CHO ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN TRẺ Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG HIỆN NAY

Nguyễn Ngọc Cường - Học viện Hậu cần, Bộ Quốc phòng

*Ngày nhận bài: 30/10/2017; ngày sửa chữa: 01/12/2017; ngày duyệt đăng: 11/12/2017.*

**Abstract:** The article focuses on some basic issues of scientific research skills for the young teachers at universities. Based on analysis of situation of scientific research of young teachers, the article proposes some measures to improve scientific research competence of young teachers in universities to meet requirements of higher education today.

**Keywords:** Scientific research skills, young teachers, universities.

### 1. Mở đầu

Đề hiện thực hoá quan điểm, chủ trương của Đảng về phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ: “Phát triển mạnh mẽ khoa học và công nghệ, làm cho khoa học và công nghệ thực sự là quốc sách hàng đầu, là động lực quan trọng nhất để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, kinh tế tri thức, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh” [1; tr 119-120], các trường đại học, cao đẳng phải tổ chức, huy động nhiều lực lượng, trong đó đội ngũ giảng dạy trẻ được coi là đội ngũ nguồn kế cận, tương lai, đây là lực lượng hội tụ đầy đủ tố chất về trình độ, phẩm chất và năng lực, đặc biệt được đào tạo cơ bản, luôn phát huy tính năng động, sáng tạo, nhiệt huyết của tuổi trẻ, đồng thời cũng là lực lượng quan trọng góp phần đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo và nghiên cứu phát triển khoa học, công nghệ của các trường đại học, cao đẳng (ĐH, CĐ).

Đội ngũ giảng viên trẻ (GVT) là một bộ phận trong đội ngũ giảng viên (GV) ở các trường ĐH, CĐ, làm nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học (NCKH), có trình độ chuyên môn, trình độ học vấn là cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ với độ tuổi không quá 35 và tuổi nghề dưới 5 năm. Độ tuổi này nổi rõ năng lực tiềm tàng, khả năng cống hiến lớn, sống có lí tưởng và hoài bão lớn, có ý chí mãnh liệt, dám nghĩ, dám làm, muốn thử nghiệm, thử thách trí tuệ và sức lực của mình; có nhiều nhu cầu hoạt động xã hội phong phú và mong muốn tự khẳng định mình để khám phá, tìm hiểu, trau dồi tri thức và đặc biệt là trong lĩnh vực khoa học, công nghệ. Tuy nhiên, do còn thiếu kinh nghiệm trong thực tiễn công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học, cũng như về tâm lí nhân cách của đội ngũ này thường quá tin vào khả năng của bản thân nên dễ vội vàng, hấp tấp, dễ có những hành động bột phát và những kết luận khoa học thiếu chín chắn,... Vì vậy, việc bồi dưỡng kỹ năng (KN) NCKH cho đội ngũ GVT là vấn đề mang tính cấp thiết, nhằm nâng cao chất lượng

đội ngũ GV, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ giáo dục, đào tạo của các trường ĐH, CĐ trong tình hình mới.

### 2. Nội dung nghiên cứu

#### 2.1. Một số vấn đề cơ bản về kỹ năng nghiên cứu khoa học

Trong mọi lĩnh vực của xã hội, để tiến hành có hiệu quả bất kì hoạt động nào, đòi hỏi người tiến hành phải quen việc, thành thạo về hoạt động đó, tức là phải có KN. Hệ thống KN được phân chia thành ba nhóm cơ bản: nhóm KN nắm vững lí luận khoa học và phương pháp luận nghiên cứu; nhóm KN sử dụng thành thạo các phương pháp nghiên cứu cụ thể và nhóm KN sử dụng kĩ thuật nghiên cứu. Theo đó, hoạt động NCKH là một hoạt động đặc biệt, “hoạt động khám phá, phát hiện, tìm hiểu bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy; sáng tạo giải pháp nhằm ứng dụng vào thực tiễn” [2; tr 2]. Chính hoạt động sáng tạo này đòi hỏi người tham gia nghiên cứu phải có được sự thành thạo ở mức độ nhất định, tức là phải có những KN NCKH. KN NCKH bao gồm tổ hợp những cách thức, phương pháp, con đường nghiên cứu, với nhiều mức độ phức tạp mà người NCKH phải thực hiện một cách thành thạo.

KN NCKH của GVT ở các trường ĐH, CĐ là tổng hợp các yếu tố về trình độ tri thức, khả năng tư duy sáng tạo, phương pháp khoa học, những kiến thức, kinh nghiệm thực tiễn đã được trang bị, được tích lũy của GVT vận dụng vào việc phát hiện, giải quyết đúng đắn những vấn đề lí luận và thực tiễn nhằm nghiên cứu thành công các công trình, sản phẩm khoa học theo yêu cầu, nhiệm vụ. Trong quá trình NCKH có những vấn đề phức tạp và những mâu thuẫn xuất hiện trong từng giai đoạn nghiên cứu, vì thế đòi hỏi đội ngũ GVT phải có những KN cơ bản mới giải quyết được mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu đề ra. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, mục tiêu, yêu cầu GD-ĐT, đặc điểm hoạt động NCKH của mỗi trường ĐH, CĐ, có thể phân chia thành các nhóm KN NCKH cơ bản của đội ngũ GVT sau đây:

### 2.1.1. Nhóm kỹ năng phát hiện vấn đề nghiên cứu

Đây là nhóm KN hết sức quan trọng có vai trò định hướng toàn bộ các nhóm KN tiếp theo trong tiến trình thực hiện nghiên cứu một công trình khoa học. Nhóm này gồm một số KN cụ thể như: KN phát hiện vấn đề, hình thành ý tưởng nghiên cứu; KN lựa chọn, xác định nội dung nghiên cứu; KN xây dựng kế hoạch triển khai nghiên cứu; KN xây dựng đề cương nghiên cứu. Những KN này rất cần thiết đối với GVT ở các trường ĐH, CĐ, đồng thời đây cũng chính là vấn đề mà một số GVT hiện nay đang rất lúng túng khi thực hiện nhiệm vụ NCKH. Thực tế cho thấy, trong cuộc sống luôn nảy sinh vô vàn những vấn đề cần được nghiên cứu, giải đáp, làm sáng tỏ, trong đó có thực tiễn phong phú của hoạt động giảng dạy, nghiên cứu, công tác của GVT ở các trường ĐH, CĐ và thực tiễn hoạt động xã hội hiện nay là cơ sở để hình thành những ý tưởng nghiên cứu, sáng tạo để tìm kiếm câu hỏi cần được giải đáp trong quá trình nghiên cứu. Tuy nhiên, từ việc phát hiện nhu cầu, hình thành ý tưởng cho đến việc lựa chọn vấn đề nghiên cứu trong vô số những vấn đề quan tâm, mang cấp thiết đó lại là việc không đơn giản. Muốn chọn được vấn đề nghiên cứu phù hợp với khả năng, đúng tầm, có ý nghĩa thiết thực về lý luận và thực tiễn, có tính khả thi cao, có thể ứng dụng được trong thực tiễn đòi hỏi phải có năng lực tư duy sâu sắc, có khả năng khái quát cao, dự báo được khả năng tổ chức thực hiện công trình và kết quả đạt được, thấy được giá trị về lý luận và thực tiễn, khả năng ứng dụng của công trình nghiên cứu khi hoàn thành. Vì thế, kết quả nghiên cứu thành công hay không phụ thuộc trước hết vào việc lựa chọn đúng vấn đề nghiên cứu.

### 2.1.2. Nhóm kỹ năng triển khai vấn đề nghiên cứu

Đây là nhóm KN quan trọng nhất, quyết định đến chất lượng, kết quả NCKH của GVT ở các trường ĐH, CĐ. Nhóm KN này có vai trò đặc biệt quan trọng trong NCKH của GVT, nếu có ý tưởng hay, xác định được đề tài nghiên cứu, nhưng không có KN tổ chức quá trình nghiên cứu sẽ không đạt được kết quả như mong muốn. Đặc biệt những công trình khoa học do một nhóm GVT tiến hành thì KN triển khai và tổ chức quản lý công trình lại càng trở nên quan trọng. Nhóm này gồm một số KN cụ thể như: KN lập đề cương nghiên cứu; KN triển khai đề cương nghiên cứu theo công đoạn; KN tìm tài liệu, KN sử dụng ngoại ngữ trong nghiên cứu tài liệu, tra cứu thông tin; KN phân tích, xử lý số liệu; KN phân tích, bình luận số liệu; KN sử dụng các phương pháp nghiên cứu; KN tiếp cận, ứng dụng công nghệ thông tin; KN quản lý thời gian trong quá trình nghiên cứu; KN tổ chức chuyên đề khoa học; KN hoàn thiện đề tài và đệ trình; KN viết báo cáo tóm tắt; KN thuyết trình và bảo vệ đề tài,... Thực tế cho thấy có không ít những trường hợp vấn đề nghiên

cứu rất cấp thiết, tư liệu, số liệu phục vụ cho công trình rất phong phú, thời gian, kinh phí đầu tư cho công trình được đảm bảo tốt, nhưng chất lượng công trình không cao, nguyên nhân chính là do KN triển khai tổ chức nghiên cứu đề tài, thực hiện công trình của GVT còn có những hạn chế nhất định.

### 2.1.3. Nhóm kỹ năng công bố kết quả nghiên cứu

Nhóm này bao gồm có các KN cụ thể: KN viết tóm tắt công trình nghiên cứu; KN công bố kết quả nghiên cứu; KN báo cáo kết quả nghiên cứu. Công bố kết quả NCKH là khâu cuối cùng trong quy trình NCKH. Có KN công bố kết quả NCKH sẽ làm tăng giá trị, ý nghĩa của công trình khoa học, góp phần vào quá trình xã hội hóa và ứng dụng các kết quả NCKH vào thực tế. Do đó, bồi dưỡng KN công bố kết quả NCKH của GVT ở các trường ĐH, CĐ là rất cần thiết.

Việc phân chia các KN trong hoạt động NCKH theo trình tự nghiên cứu như trên chỉ mang tính chất tương đối về mặt nhận thức, còn trong thực tiễn các KN đó luôn quan hệ đan xen, mật thiết với nhau, tác động, hỗ trợ nhau bảo đảm cho hoạt động NCKH của GVT đạt được mục đích, yêu cầu đề ra. Để thực hiện nhiệm vụ NCKH đạt hiệu quả cao, đội ngũ GVT còn phải nắm vững KN khác như: KN giải quyết các hồ sơ, thủ tục liên quan đến đề tài, công trình khoa học; KN lập luận, phê phán; KN liên hệ, thuyết phục vận động hành lang; KN giao tiếp, KN làm việc nhóm; KN chuyển giao kết quả nghiên cứu,... Những KN này phụ thuộc rất lớn vào năng khiếu, sở trường, năng lực cá nhân của GVT khi nghiên cứu, đồng thời được nâng cao thông qua thường xuyên rèn luyện, va chạm trong thực tế hoạt động NCKH.

## 2.2. Thực trạng kỹ năng nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên trẻ ở các trường đại học, cao đẳng

Những năm qua, các trường ĐH, CĐ luôn coi giảng dạy và NCKH là hai nhiệm vụ chủ yếu của người GV, việc tham gia NCKH không chỉ là trách nhiệm mà còn góp phần khẳng định uy tín, năng lực của người GV, trong đó có đội ngũ GVT. Tuy nhiên, trên thực tế việc bồi dưỡng KN NCKH cho đội ngũ GVT còn chưa thường xuyên, qua nghiên cứu, khảo sát, có hàng trăm GV trình độ sau đại học nhưng số công trình NCKH được công bố trong nước và quốc tế còn hạn chế và thời gian dành cho NCKH còn ít, mặc dù đã có quy chế phân bổ thời gian NCKH cho các GV. Theo thống kê hiện nay, tại các trường đại học, cao đẳng lực lượng nghiên cứu trẻ chiếm đa số (dưới 40 tuổi chiếm khoảng 35-40%), lực lượng này chủ yếu có trình độ đại học (chiếm 45-50%), trình độ tiến sĩ chỉ chiếm khoảng 10-15% và thời gian dành cho NCKH rất ít, điều đó phản ánh trong đội ngũ GVT, một số chưa nhận thức đầy đủ, chưa thấy hết trách

nhiệm của mình khi tham gia các hoạt động NCKH, đặc biệt là một số còn thiếu những KN nghiên cứu cơ bản; đối với từng công trình, sản phẩm cụ thể, nhất là các lĩnh vực mang tính chuyên biệt cao chưa sát với đối tượng nghiên cứu; kết quả của một số công trình nghiên cứu chưa có tính ứng dụng thực tiễn cao để góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo và uy tín, vị thế của mỗi trường.

### **2.3. Biện pháp bồi dưỡng kỹ năng nghiên cứu khoa học cho đội ngũ giảng viên trẻ ở các trường đại học, cao đẳng hiện nay**

#### **2.3.1. Tăng cường giáo dục nâng cao nhận thức về vai trò, tầm quan trọng của nghiên cứu khoa học trong các trường đại học, cao đẳng cho đội ngũ giảng viên trẻ**

NCKH của đội ngũ GVT là quá trình lao động công phu, nghiêm túc mang tính tích cực, chủ động, sáng tạo, đòi hỏi phải tăng cường giáo dục nâng cao nhận thức, vai trò, tầm quan trọng của hoạt động NCKH, bồi dưỡng và NCKH là hai nhiệm vụ chính của GV. Hoạt động này có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của mỗi trường ĐH, CĐ, thông qua đó mỗi GVT không những tiếp thu được thông tin mới mà còn được tiếp cận với những phương pháp, tư duy mới để chủ động sáng tạo và đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, kết hợp với hoạt động nghiên cứu là một quá trình tự học hỏi, rèn luyện KN nghiên cứu. Vì vậy, đội ngũ GVT phải nâng cao nhận thức, tích cực tham gia NCKH để mở rộng, đào sâu củng cố kiến thức chuyên môn từ đó xây dựng cho GV động lực, tâm huyết hơn và không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn để thực hiện tốt nhiệm vụ của mình.

Để thực hiện tốt vấn đề này, đòi hỏi lãnh đạo các trường ĐH, CĐ cần xác định đúng chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo tăng cường các hoạt động giáo dục cho đội ngũ GVT về quan điểm, chủ trương phát triển khoa học và công nghệ trong điều kiện hội nhập quốc tế, cùng các văn bản, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học và quy chế, quy định,... và hoạt động NCKH của mỗi trường ĐH, CĐ, từ đó nâng cao nhận thức, trách nhiệm, hình thành nhu cầu NCKH đúng đắn cho đội ngũ GVT và phải được tiến hành thường xuyên nhằm tạo dựng cho họ cảm xúc hưng phấn, say mê, hứng thú trong hoạt động NCKH. Chính quá trình tích cực, chủ động của đội ngũ GVT tham gia các hoạt động NCKH cũng là quá trình GV từng bước hoàn thiện phương pháp, tác phong và KN NCKH của mình. Vì vậy, đội ngũ GVT cần tận dụng thời gian, nghiên cứu kỹ kế hoạch, nắm chắc đặc điểm, yêu cầu, nội dung, quy trình, hình thức, phương pháp, KN NCKH để xác định rõ trách nhiệm của mình trong tham gia các hình thức NCKH; giải quyết hài hoà

giữa nhiệm vụ nghiên cứu và nhiệm vụ giảng dạy để tận dụng thời gian, công sức cho hoạt động NCKH.

#### **2.3.2. Chủ động, tích cực tổ chức tốt các hoạt động bồi dưỡng kỹ năng nghiên cứu khoa học cho đội ngũ giảng viên trẻ**

KN NCKH của đội ngũ GVT được hình thành, phát triển thông qua một quá trình phù hợp với quy luật tâm lí, quy luật nhận thức. Bắt đầu từ việc lĩnh hội kiến thức và tích lũy kinh nghiệm NCKH đến việc rèn luyện KN thông qua thực tiễn NCKH. Vì vậy, cần coi trọng việc tổ chức bồi dưỡng các KN cơ bản trong quá trình nghiên cứu, tạo dựng môi trường NCKH thuận lợi, tích cực lôi cuốn GVT vào các hình thức nghiên cứu khoa học. Để bồi dưỡng KN nghiên cứu khoa học cần tập trung vào mấy vấn đề sau:

- Về nội dung bồi dưỡng kỹ năng nghiên cứu khoa học. Bồi dưỡng tính tích cực, độc lập, sáng tạo trong phát hiện, lựa chọn, tiếp cận các vấn đề khoa học, dám đi vào giải quyết những vấn đề khó, mới, phức tạp, không sợ thất bại, kiên trì vượt qua những thử thách trên con đường khoa học cho đội ngũ GVT. Bồi dưỡng thế giới quan, phương pháp luận khoa học, khả năng quan sát, phân tích tình hình thực tiễn, phân tích đối tượng nghiên cứu, giúp cho GVT nâng cao trình độ tư duy khoa học, khả năng nhạy bén, sắc sảo trong lựa chọn đối tượng, phạm vi, khách thể nghiên cứu, đảm bảo cho những vấn đề được lựa chọn nghiên cứu thực sự thiết thực, phục vụ cho nhiệm vụ giáo dục, đào tạo của mỗi trường.

Tập trung bồi dưỡng hệ thống các KN cần thiết trong các giai đoạn, các KN từ khâu lựa chọn vấn đề nghiên cứu; xác định mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu đến lập kế hoạch và triển khai kế hoạch nghiên cứu; trong thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu đã đặt ra. Trong đó, cần tập trung bồi dưỡng các KN lựa chọn vấn đề nghiên cứu; KN thiết kế công trình nghiên cứu; KN thu thập, tra cứu thông tin; KN phân tích, xử lí số liệu; KN phê phán, lập luận; KN tiếp cận, ứng dụng, làm chủ công nghệ; KN sử dụng ngoại ngữ; KN đọc và phân tích một bài báo khoa học; KN viết bài báo (báo cáo) khoa học và cách trình bày, báo cáo khoa học trong các hội nghị khoa học; KN công bố quốc tế; KN tổ chức thực hiện, tạo ra sản phẩm khoa học;... Cùng với bồi dưỡng KN NCKH cơ bản, cần coi trọng truyền thụ kinh nghiệm đúc kết trong thực tiễn nghiên cứu các công trình, đề tài các cấp. Rèn luyện cho đội ngũ GVT niềm đam mê khoa học, có tác phong nghiên cứu độc lập, làm việc khoa học, cụ thể, tỉ mỉ, khắc phục tác phong đơn giản, qua loa đại khái trong nghiên cứu, từng bước giúp đội ngũ GVT nhanh chóng tiếp cận,

triển khai thực hiện nhiệm vụ NCKH một cách thuận lợi, đạt hiệu quả cao, hạn chế được những vấp vấp, vướng mắc, sai sót trong quá trình thực hiện.

- *Về hình thức, phương pháp tổ chức bồi dưỡng.* Thông qua việc tham gia các dự án, viết giáo trình, tài liệu, đề tài khoa học, chuyên đề khoa học, viết báo khoa học, tọa đàm khoa học, sinh hoạt học thuật, hội thảo khoa học các cấp, báo cáo khoa học, hướng dẫn khóa luận, luận văn cho sinh viên, từ đó GVT sẽ nâng cao trình độ lý luận và những kinh nghiệm cơ bản nhất về các KN NCKH. Trong từng năm học, trước khi bước vào thực hiện nhiệm vụ NCKH, cần tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, hướng dẫn những nội dung cần thiết cho GVT để bồi dưỡng, định hướng, hướng dẫn GVT các KN cần thiết trong nghiên cứu, nắm vững quy trình, cách thức tổ chức thực hiện các đề tài, công trình; rút kinh nghiệm và khắc phục, hạn chế được những tồn tại, sai sót, vướng mắc gặp phải của những năm trước để tổ chức thực hiện đạt kết quả tốt hơn. Mặt khác, thông qua hình thức giao lưu, trao đổi kinh nghiệm các hoạt động của tổ chức đoàn trong các trường ĐH, CĐ sẽ giúp cho GVT học hỏi được những sáng kiến hay, cập nhật những tri thức mới, có điều kiện tìm hiểu, tích lũy thêm kinh nghiệm, KN NCKH từ các nhà trường bạn. Vấn đề quan trọng là đội ngũ GVT phải phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong tự học tập, rèn luyện các KN để phục vụ cho quá trình nghiên cứu của mình, trong đó cần xây dựng động cơ nghiên cứu đúng đắn, ý thức trách nhiệm trong xây dựng kế hoạch tự nghiên cứu, tự bồi dưỡng; tranh thủ mọi điều kiện và sự giúp đỡ của nhà trường, của đồng nghiệp để lĩnh hội, bổ sung, phát triển, nâng cao các KN NCKH phù hợp với năng lực thực tế của GVT.

- *Về công tác tổ chức quản lý, kiểm tra hoạt động bồi dưỡng:* Để quá trình bồi dưỡng KN NCKH cho đội ngũ GVT đạt kết quả tốt, đòi hỏi phải phát huy tối đa của các tổ chức, các lực lượng tham gia công tác quản lý, kiểm tra hoạt động bồi dưỡng, nhất là các cơ quan chức năng phụ trách khoa học, viện nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu và các khoa giáo viên, đội ngũ GV, cán bộ khoa học, cán bộ quản lý giáo dục trong mỗi nhà trường để thực hiện nhiệm vụ NCKH theo đúng quy chế, quy trình, thủ tục; chủ động khai thác, cung cấp thông tin khoa học, bảo đảm về tài liệu, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho quá trình NCKH và bồi dưỡng KN NCKH cho đội ngũ GVT. Đề cao trách nhiệm của cán bộ, GV trong việc tham gia bồi dưỡng KN NCKH cho đội ngũ GVT; phân

công bố trí những GV lâu năm, có học hàm, học vị, tâm huyết, nhiều kinh nghiệm để hướng dẫn giúp đỡ đội ngũ GVT từng bước hoàn thiện các KN nghiên cứu. Quá trình bồi dưỡng, cần đặt ra yêu cầu cao để thực hiện đúng nội dung, thời gian và tiến độ và chất lượng các sản phẩm nghiên cứu; đồng thời, động viên GVT phát huy tính năng động, sáng tạo của tuổi trẻ, thường xuyên rèn luyện phẩm chất trung thực, thái độ lao động nghiêm túc trong NCKH, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trước nhà trường, cơ quan chức năng và khoa về công trình nghiên cứu của mình.

*2.3.3. Tiếp tục hoàn thiện, bổ sung các quy chế, quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học đối với đội ngũ giảng viên trẻ*

Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện quy chế, quy định về hoạt động NCKH là vấn đề có ý nghĩa rất quan trọng, tác động trực tiếp đến hoạt động NCKH và bồi dưỡng KN NCKH cho đội ngũ GVT. Vì vậy, căn cứ các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan chức năng cấp trên và đặc điểm tình hình, nhiệm vụ của mỗi trường hiện nay, nhất là *Thông tư số 22/2011/TT-BGDĐT ngày 30/05/2011 của Bộ GD-ĐT về việc ban hành quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học; Nghị định số 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014 của Chính phủ quy định về việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học.* Theo đó, cần tiếp tục hoàn thiện bổ sung, quy chế, quy định hoạt động NCKH của mỗi trường ĐH, CĐ, trong đó cần thực hiện tốt các chế độ lập kế hoạch và điều hành thực hiện kế hoạch NCKH, chế độ thông tin khoa học, chế độ đánh giá và xét duyệt các công trình khoa học, chế độ kiểm tra, chế độ quản lý và sử dụng các công trình khoa học; đồng thời bổ sung những văn bản có liên quan nhằm tạo hành lang pháp lý, đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu của GVT được tổ chức chặt chẽ, nghiêm túc có hiệu quả.

Tiếp tục nghiên cứu quy đổi thời gian NCKH của đội ngũ GVT một cách tương xứng; xem xét thành tích NCKH của GVT gắn với thành tích NCKH của khoa, bộ môn; quy định về chế độ bảo đảm tài chính, kinh phí hỗ trợ tài năng trẻ cho hoạt động NCKH của GVT. Trên cơ sở bảo đảm yêu cầu chất lượng, để lựa chọn, phân công GVT tham gia thực hiện các công trình, đề tài, cần phải tính đến mục tiêu, yêu cầu bồi dưỡng đội ngũ này. Khi giao nhiệm vụ GVT tham gia vào các công trình, đề tài, ngoài các yêu cầu, tiêu chí bắt buộc, cần tính đến việc phân công những GV có kinh nghiệm lâu năm kèm

cấp, bồi dưỡng, giúp đỡ đội ngũ GVT chưa có nhiều kinh nghiệm NCKH, đồng thời cũng mạnh dạn giao nhiệm vụ số GVT có năng lực, KN nghiên cứu tham gia vào các công trình, dự án lớn của nhà trường cũng như hoạt động trao đổi, hợp tác về phát triển khoa học, công nghệ để họ từng bước tiếp cận và nâng cao năng lực chuyên môn gắn với nhiệm vụ NCKH của mình.

#### 2.3.4. Thường xuyên quan tâm, khuyến khích, tạo môi trường thuận lợi cho đội ngũ giảng viên trẻ phát huy tài năng, trí tuệ sáng tạo trong các hoạt động nghiên cứu

Trên thực tế hiện nay, đội ngũ GVT khi tham gia các hoạt động này còn gặp nhiều khó khăn về môi trường nghiên cứu, điều kiện, chế độ về tiền lương chưa bảo đảm cuộc sống để có thể chuyên tâm vào việc NCKH; số GVT được giao chủ trì những công trình khoa học lớn vẫn còn quá ít ỏi. Do đó, đội ngũ GVT rất cần một môi trường nghiên cứu thuận lợi để sáng tạo, nuôi dưỡng ước mơ, đam mê, khát vọng lớn lao của GVT. Nghị quyết Đại hội XII đã nhấn mạnh: “Tạo môi trường thuận lợi, điều kiện vật chất để cán bộ khoa học và công nghệ phát triển bằng tài năng và hưởng lợi ích xứng đáng với giá trị lao động sáng tạo của mình” [3; tr 122]. Theo đó, để đội ngũ GVT có môi trường nghiên cứu tốt nhất, các trường ĐH, CĐ cần tiếp tục quan tâm xây dựng tiềm lực khoa học trong đội ngũ GVT, đây là yếu tố quan trọng để bồi dưỡng KN NCKH cho đội ngũ này. Trong đó, tiếp tục tạo điều kiện làm việc, phòng thí nghiệm hiện đại, trang thiết bị nghiên cứu; có thể tiếp cận với mọi nguồn thông tin tư liệu quan trọng từ hệ thống các thư viện điện tử, trung tâm nghiên cứu, thư viện, cơ sở dữ liệu phục vụ nghiên cứu. Tạo điều kiện cho GVT về mặt thời gian và kinh phí cùng với các chính sách khuyến khích NCKH và triển khai nghiên cứu, công bố kết quả nghiên cứu, nhất là đối với công trình, bài báo khoa học được công bố quốc tế (thuộc danh mục các tạp chí ISI - Scopus hoặc sách tham khảo có mã số chuẩn quốc tế ISBN) để hỗ trợ kinh phí nghiên cứu, phí công bố cho GVT.

Đánh giá đúng, công bằng năng lực, khả năng và thành tích hoạt động NCKH, nhất là giá trị sáng tạo của GVT; biểu dương tôn vinh, khen thưởng kịp thời những thành tích, kết quả kết nghiên cứu của đội ngũ GVT đạt được bằng những danh hiệu vinh dự để động viên, khích lệ, đề cao sự sáng tạo, khuyến khích sự đam mê tìm tòi cái mới trong quá trình nghiên cứu. Thường xuyên tạo điều kiện cho đội ngũ GVT được tham gia nhiều hình thức NCKH, nhất là hội nghị khoa học quốc

tế, trao đổi kinh nghiệm của các nước phát triển để có cơ hội nghiên cứu tốt nhất giúp phát triển KN NCKH, tư duy sáng tạo, tích lũy tri thức, kinh nghiệm trong nghiên cứu, công tác chuyên môn và định hướng tích cực cho GVT rèn luyện, phấn đấu và cống hiến cho sự phát triển của các trường ĐH, CĐ trong giai đoạn mới.

### 3. Kết luận

NCKH là một trong hai nhiệm vụ chính trị trọng tâm ở các trường ĐH, CĐ hiện nay, trong đó NCKH của đội ngũ GVT giữ vị trí đặc biệt quan trọng. Vì vậy, bồi dưỡng KN NCKH cho đội ngũ GVT là vấn đề có ý nghĩa cấp thiết, nhưng cũng rất khó khăn, phức tạp, đòi hỏi phải có sự tham gia của nhiều tổ chức, lực lượng bằng nhiều hình thức, biện pháp để tiến hành bồi dưỡng có hiệu quả, góp phần nuôi dưỡng hoài bão, niềm đam mê sáng tạo và không ngừng học hỏi để đội ngũ GVT làm chủ và chiếm lĩnh đỉnh cao của khoa học trong điều kiện hội nhập quốc tế hiện nay.

### Tài liệu tham khảo

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam (2016). *Văn kiện Đại hội lần thứ XII*. Văn phòng Trung ương Đảng.
- [2] Quốc hội (2013). *Luật Khoa học công nghệ*.
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam (2016). *Văn kiện Đại hội lần thứ XII*. Văn phòng Trung ương Đảng.
- [4] Bộ GD-ĐT (2011). *Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học* (ban hành kèm theo Thông tư số 22/2011/TT-BGDĐT, ngày 30/05/2011 của Bộ GD-ĐT).
- [5] Chính phủ (2014). *Nghị định số 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014 của Chính phủ Quy định về việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học*. Hà Nội.
- [6] Đảng Cộng sản Việt Nam (2012). *Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 31/10/2012 của Hội nghị Trung ương 6, khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
- [7] Đoàn Minh Duệ - Đinh Ngọc Thắng (2016). *Giáo trình phương pháp và kỹ năng nghiên cứu khoa học*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [8] Nguyễn Văn Tuấn (2016). *Từ nghiên cứu đến công bố kỹ năng mềm cho nhà khoa học*. NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.